

**A STUDY ON THE BENEFICIARIES OF
THE HEREDITARY PRIVILEGE SYSTEM
FROM THE ĐINH AND EARLY LE
DYNASTIES TO THE NGUYỄN DYNASTY**

Nguyen Thi Thu Huong,

*Institute of History, Vietnam Academy of
Social Sciences, Hanoi city, Việt Nam*

Corresponding author: Nguyen Thi Thu Huong,

e-mail: thuhuongvsh@gmail.com

Received July 17, 2025.

Revised July 23, 2025.

Accepted August 6, 2025.

**KHẢO CỨU VỀ ĐỐI TƯỢNG TẬP ẨM
TỪ TRIỀU ĐÌNH, TIỀN LÊ
ĐẾN TRIỀU NGUYỄN**

Nguyễn Thị Thu Hương,

*Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội
Việt Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thu Hương,

e-mail: thuhuongvsh@gmail.com

Ngày nhận bài: 17/7/2025.

Ngày sửa bài: 23/7/2025.

Ngày nhận đăng: 6/8/2025.

Abstract. In the history of Vietnam's monarchical system, the hereditary privilege system was a distinctive form of personnel appointment. It allowed descendants of mandarins or meritorious officials to inherit political status or receive royal favours that facilitated their integration into the bureaucratic apparatus. The dynasties from the Đinh, Early Lê to the Nguyễn dynasty enacted regulations defining eligibility for hereditary privilege, as part of a broader policy of reward and recognition for members of the royal family, aristocracy, high-ranking officials, and individuals who rendered distinguished service. The determination and expansion of hereditary privilege beneficiaries across dynasties were shaped by the specific historical contexts of each period. Simultaneously, these adjustments reflect an ongoing refinement of the hereditary appointment system, particularly under the Nguyễn dynasty. This article seeks to examine the identification and evolution of eligibility criteria for hereditary privilege from the 10th century to the end of the 19th century under the independent Nguyễn dynasty. Through an analysis of the regulatory framework and the evolution of the eligibility criteria for hereditary privilege beneficiaries over time, this study aims to elucidate the system's historical development within the broader context of Vietnam's monarchical governance.

Keywords: Beneficiaries of the hereditary, evolution, Nguyen dynasty.

Tóm tắt. Trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam, chế độ tập ẩm là một hình thức bổ nhiệm nhân sự đặc biệt, cho phép con cháu của quan lại hoặc công thần kế thừa địa vị chính trị hoặc nhận ân điển để được bổ dụng vào hệ thống quan lại. Vì vậy, các triều đại quân chủ từ Đinh, Tiền Lê đến Nguyễn đều có định lệ về đối tượng tập ẩm, nhằm thực hiện chế độ đãi ngộ đối với tôn thất, quý tộc, quan lại cao cấp và những người có công. Việc xác định và mở rộng đối tượng tập ẩm qua các triều đại phụ thuộc vào bối cảnh lịch sử riêng của từng thời kì, đồng thời cũng phản ánh sự điều chỉnh theo hướng ngày càng hoàn thiện trong chính sách tập ẩm của các vương triều sau này, đặc biệt là dưới triều Nguyễn. Bài viết này nhằm trình bày việc xác định và quá trình điều chỉnh đối tượng tập ẩm qua các thời kì từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX dưới thời kì triều Nguyễn độc lập. Thông qua việc phân tích định lệ và sự điều chỉnh đối tượng tập ẩm qua các thời kì, bài viết mong muốn góp phần làm rõ hơn về quá trình phát triển của chế độ tập ẩm nói chung trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam.

Từ khoá: Đối tượng tập ẩm, sự điều chỉnh, triều Nguyễn.

1. Mở đầu

Về khái niệm Tập âm, xét từ nguyên cụ thể: Tập (襲) ở đây là sự kế thừa, nối tiếp, noi theo đời trước [1;715], [2; 256], [3; 41]; Âm (蔭) có nghĩa là bóng cây, bóng râm, dùng với nghĩa “đời trước có công lao nên đời sau được nhờ đấy mà làm quan, như hưởng nhờ bóng mát của cây” [1;671], [3;41], hàm ý chỉ sự che chở của cha ông với con cháu đời sau, được vua ban ân trạch, được hưởng phúc lộc của triều đình.

Về khái niệm tập âm, sách *Hán Việt từ điển giản yếu*, cắt nghĩa: “Tập âm có nghĩa là con cháu được nối theo quan chức của cha mà được hàm âm sinh” [4; 268]. Tương tự, sách *Từ điển tiếng Việt* cũng giải thích: “Tập âm chủ yếu là dành cho con cháu quan lại cao cấp được cấp danh vị âm sinh để thừa hưởng danh vọng của cha, ông” [5; 901].

Như vậy, tập âm là khái niệm chung để chỉ việc con cháu các công thần, các quan được nối tiếp cha ông hưởng đặc ân của triều đình.

Việc nghiên cứu về đối tượng tập âm nói riêng và định lệ tập âm nói chung từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX sẽ giúp hiểu rõ hơn về phương thức vận hành bộ máy nhà nước quân chủ, sự phân phối quyền lực, cũng như những giới hạn của thể chế trung ương tập quyền gắn với từng triều đại. Đây cũng là vấn đề được không ít nhà nghiên cứu quan tâm và đề cập gián tiếp thông qua một số công trình nghiên cứu.

Trong công trình *Việc đào tạo và sử dụng quan lại của triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1884* (NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998), tác giả Lê Thị Thanh Hòa cho biết ở thời Lý chủ yếu vẫn do nhiệm tử,... vì vậy, “nhiệm tử” cũng là một trong những con đường đào tạo và sử dụng quan lại được Nhà nước quan tâm [6].

Tác giả Nguyễn Thị Phương Chi trong bài viết “Phương thức tuyển dụng quan lại thời Trần” (*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 2006) đã đề cập đến việc triều Trần sử dụng đội ngũ quý tộc đồng tộc vào bộ máy triều đình trung ương. Tuy nhiên, không phải tất cả các tôn thất đều được trọng dụng nếu không có thực tài. Điều đó cho thấy trong phương thức tuyển dụng vừa thể hiện sự ưu đãi nhưng kèm với đó là sự kiểm soát để đảm bảo vừa có năng lực và phẩm chất đạo đức [7; 2-3].

Cùng hướng tiếp cận đó, tác giả Trần Thị Vinh trong bài viết “Phương thức tuyển dụng quan lại cho Bộ máy chính quyền nhà nước thời Lý (1010 - 1225)” (*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 9 và số 10 năm 2008) đã đề cập đến một trong những phương thức tuyển chọn quan chức thời Lý đó là thông qua chế độ nhiệm tử - dùng con cháu các quan có huân công để chọn người làm quan cho triều đình [8; 30,32].

Công trình *Quan chức nhà Nguyễn* của Trần Thanh Tâm (NXB Thuận Hóa, Huế, 2000) tuy không đi sâu nghiên cứu về chế độ tập âm nhưng đã cho biết một số thông tin về đối tượng tập âm dưới thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn [9].

Đặc biệt, trong chuyên khảo *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)* (NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015), tác giả Nguyễn Minh Tường đã đề cập đến đối tượng tập âm qua các thời kì, đặc biệt dưới thời Nguyễn. Với xuất phát điểm tác giả là nhà nghiên cứu chuyên sâu về cải cách và bộ máy nhà nước, công trình đã đề cập được nhiều thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu về chế độ tập âm [10].

Ngoài ra, nghiên cứu có liên quan khác có thể kể đến cuốn sách *Quan và lại ở miền Bắc Việt Nam - Một bộ máy hành chính trước thử thách (1820-1918)* của Emmanuel Poisson (NXB Đà Nẵng, 2006) [11] hay bài viết “Chính sách ưu đãi của triều Nguyễn đối với võ quan và binh lính (giai đoạn 1802 – 1884)” (*Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 263, tháng 11/2013) của tác giả Lê Quang Chấn [12]... Kết quả nghiên cứu các công trình là những tài liệu tham khảo hữu ích để tác giả kế thừa và phát triển nội dung bài viết này.

Trên cơ sở khái quát một số bài viết, công trình nghiên cứu liên quan đến việc khảo cứu đối tượng tập âm qua các thời kì lịch sử trên. Dù được đề cập dưới nhiều góc độ khác nhau, song

những nguồn tài liệu trên chưa được khảo cứu một cách hệ thống, mà chỉ đề cập đối tượng tập ấm xen lẫn trong các mục quan chế chung và dừng lại ở mức trình bày khái quát. Vì vậy, việc khảo cứu đối tượng tập ấm từ thời Đinh, Tiền Lê đến triều Nguyễn là rất cần thiết. Do thực tế, nguồn tư liệu thời kì các chúa Nguyễn, thời Tây Sơn còn ít ỏi, vì vậy việc khảo cứu đối tượng tập ấm các thời kì này còn hạn chế. Trên cơ sở nguồn tư liệu thu thập được, bài viết đề cập đến đối tượng được tập ấm triều Đinh, Tiền Lê, triều Lý, triều Trần, triều Lê sơ, triều Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài và triều Nguyễn thời kì độc lập.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng tập ấm từ triều Đinh, Tiền Lê đến triều Tây Sơn

Triều đại Đinh, Tiền Lê với chế độ “Nhiệm tử” bổ dụng con cháu quý tộc cho làm quan. Đến thời Lý, chế độ này thịnh hành, rất có lợi cho quan liêu quý tộc, họ nắm quyền thế trong tay, dần dần hình thành những dòng họ “cường tôn vọng tộc” ở vùng biên giới phía Bắc của Đại Việt. Dưới triều Lý, những người thuộc hoàng tộc thường được phong tước vương, quận công, và có khả năng truyền vị trí ấy cho con cháu, như các vương tử, công chúa nhà Lý thường được ban đất, con cháu họ được giữ vị trí quan trọng trong triều đình và ở các địa phương.

Bên cạnh đó, con cháu của những người có quan tước, sẽ được triều đình ban tập ấm, trao chức quan. Điều đó thấy rõ trong sự kiện xác định số đinh ở Thanh Hóa diễn ra vào năm Mậu Tý (1228) dưới triều vua Trần Thái Tông cho biết: “Theo chế độ nhà Lý... Ai có quan tước mà con cháu tập ấm mới được ra làm quan; còn nếu người nào nhà giàu, khỏe mạnh mà không có quan tước, thì cũng chỉ đòi đòi làm lính” [13; 448-449], [14;11].

Ngoài ra, con cháu những người có công với triều đình (như Lý Đạo Thành, Tô Hiến Thành...) cũng được kế thừa chức vụ trong triều hoặc trong quân đội. Những người trấn giữ ở những vùng biên giới phía Bắc Đại Việt có một số dòng họ được hưởng quyền lợi này như họ Thân nổi đời làm Châu mục như Thân Thừa Quý – là chủ của Động Giáp, được vua Lý Thái Tổ (1009-1028) gả con gái cho. Họ Hà được làm châu mục Châu Vị Long (nay thuộc tỉnh Tuyên Quang mới). Đến đời Hà Di Khánh mới 9 tuổi đã được tập ấm làm châu mục Châu vị Long và sau đó được vua Lý Nhân Tông (1072-1127), gả em gái là công chúa Khâm Thánh cho Hà Di Khánh.

Dưới triều Trần, chế độ tập ấm rõ ràng và mở rộng hơn triều Lý, gắn với hệ thống quý tộc - quân sự thế tập. Năm Thiệu Phong thứ 10 (1267), vua Trần Thánh Tông định lệ phong ấm cho tôn thất [10; 631-632]. Riêng lệ phong ấm cho các quan văn võ, Sử gia Phan Huy Chú (mục *quan chức chí*, phần *cấp bậc phong ấm*) cho rằng “không kê cứu được” [15; 632].

Không chỉ ở kinh đô, chế độ nhiệm tử/tập ấm thời Trần còn được thực thi tại các địa phương do thân vương quý tộc nhà Trần nắm quyền. Như trường hợp Tĩnh quốc Đại vương Trần Quốc Khang từng được giao quản lý ở Diên Châu (Nghệ An). Sau này, chức Tri châu ở Diên Châu đều giao cho con cháu của Trần Quốc Khang.

Bên cạnh đó, con cháu các công thần, danh tướng như Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư hay con cháu các quan trung thành với triều đình cũng được bổ nhiệm theo hình thức tập ấm/ nhiệm tử. Ví dụ, Trần Quốc Tăng (con Trần Hưng Đạo) giữ trọng trách quân sự lớn. Các gia tộc như họ Phạm (Phạm Ngũ Lão), họ Trương (Trương Hán Siêu), dù không thuộc hoàng tộc, nhưng vì trung thành và lập được công lớn, con cháu của họ cũng được bổ dụng vào quan trường.

Như vậy, đối tượng chủ yếu được nhiệm tử/tập ấm triều Lý, triều Trần là con cháu nhà vua và các hoàng tộc, con cháu quan lại cao cấp, con cháu công thần có công, con cháu các Động chủ ở các vùng biên giới. Sau khi Quốc Tử Giám được thành lập thì con cháu của nhà vua, hoàng tộc và quan lại cao cấp được Nhà nước tuyển chọn vào học ở Quốc Tử Giám, để sau này được bổ dụng các chức quan phục vụ triều đình Lý, Trần.

Đến triều Lê sơ, hệ thống bộ máy nhà nước ngày càng hoàn thiện và quy củ. Đối tượng được hưởng tập ấm được Nhà nước quy định rõ ràng hơn các triều đại trước. Điều này được thấy rõ

vào năm Kỷ Ty (1449), triều vua Lê Nhân Tông, định lệ miễn trừ cho những người được tập ẩm: cháu nội các quan từ lục phẩm trở lên và con trai các quan thất phẩm, bát phẩm đều được miễn dao dịch. Ban rộng ẩm bắt đầu từ đây (từ năm 1449) [14; 368-369], [15; 632], [13; 954].

Thời vua Lê Thánh Tông trị vì, chế độ tập ẩm được mở rộng thêm cho đối tượng là “con nuôi”, cụ thể vào tháng 10 năm Canh Thìn, niên hiệu Quang Thuận năm thứ nhất (1460), vua Lê Thánh Tông ra sắc chỉ cho các quan trong ngoài (trong kinh sư, ngoài các đạo) rằng: “Viên quan nào con đáng được tập ẩm mà không có con trai thì cho nuôi con của người thân thích cùng họ, chỉ được một người tập ẩm” [14; 391], [13; 989].

Năm Tân Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ 2 (1471), Nhà nước ban hành Hiệu định quan chế và quy định rõ ràng về đối tượng được hưởng tập ẩm và truy phong tập ẩm là những người thân của nhà vua, hoàng tộc, hoàng thái hậu, hoàng hậu, các phi, tần, quan văn, quan võ... [16; 80-99], [13; 1106-1119], [15; 632-635]. Với viện ban hành đó thể hiện sự quy củ hơn và ngày càng hoàn thiện hơn.

Triều Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, do một số nguyên nhân nên việc ban tập ẩm cho các đối tượng có sự điều chỉnh. Công thần triều vua Lê Thần Tông, con cháu đời đời được tập ẩm; công thần khai sáng nghiệp nước (những người có công trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn); công thần trung hưng (những công thần có công trong sự nghiệp đánh quân nhà Mạc, có công theo vua Lê Thần Tông (1619 – 1643) vào Thanh Hóa và có công dẹp loạn Trịnh Xuân vào năm 1623). Đối với công thần trung hưng kê trên, con cháu của họ đời đời được tập ẩm [15; 636-637].

Đến triều vua Lê Huyền Tông, năm Giáp Thìn, niên hiệu Cảnh Trị thứ 2 (1664), dưới sự tham vấn của Lại bộ Thượng thư Tham tụng Phạm Công Trứ, nhà vua đã chuẩn định tập ẩm cho con cháu công thần khai quốc từ tam thái, tam thiếu trở lên con cháu đời đời được là công thần tôn; công thần trung hưng thì từ tả Đô đốc, hữu Đô đốc; tả Thị lang, hữu Thị lang trở lên con cháu đời đời được là quan viên từ [15; 635].

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Cảnh Trị thứ 4 (1666), vua Lê Huyền Tông có lệnh chỉ tiến hành chuẩn định lệ nhiều ẩm cho con cháu các viên nội giám (hoạn quan hầu cận trong cung), người nào có con cháu nuôi được nhiều ẩm thì quy định theo chức, phẩm cao thấp khác nhau [14; 274, 15; 635]. Trong trường hợp này, “ẩm” tức con quan từ tứ phẩm trở lên được tập ẩm, còn “nhiều”, tức là được trừ dao dịch.

Năm Giáp Dần (1674), triều vua Lê Gia Tông, Tham tụng Phạm Công Trứ và Vũ Duy Chí tiếp tục dâng tờ khai xin chúa Trịnh và vua Lê phong ẩm cho con các Thị nội Thư tả xá nhân, những Tướng thần lại. Những đề nghị này ra đã được chúa Trịnh Tạc đồng ý ban hành và thực thi [17; 48], [15; 635].

Sau này, do tình trạng ban ẩm khá nhiều, dẫn đến nhiều bất cập trong xã hội như tình trạng giả mạo để được hưởng tập ẩm, hay ý thế con cháu công thần, quan lại có công làm những việc trái pháp luật... Chính vì vậy, triều Lê – Trịnh đã điều chỉnh định lệ tập ẩm, ban cấp cho từng đối tượng nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với tình hình xã hội thời bấy giờ (theo nội dung đề xuất điều chỉnh của Tham tụng Hồ Sĩ Dương và Nguyễn Mậu Tài năm Đinh Tỵ (1677) [18; 18-19], [19; 342-343], [17; 64-69].

Việc đề xuất cải cách chế độ tập ẩm của Hồ Sĩ Dương và Nguyễn Mậu Tài đã hạn chế được tình trạng ban ẩm quá nhiều và bừa bãi.

Trên đây là những đề xuất mà các thời kì trước chưa đưa ra và thực hiện được. Tuy nhiên, việc ban cho “nhiều ẩm” đối với các quan văn võ vẫn “noi theo nếp cũ, cấp bậc chưa được rõ ràng”. Vì vậy, vào năm Bảo Thái thứ 3 (1722), triều đình Lê Dụ Tông tiếp tục cho sửa đổi định lệ tập ẩm cho các văn võ công thần nhằm khắc phục tình trạng phong tặng nhiều ẩm cho các quan văn võ chỉ thuần theo cũ, vừa lạm phong mà cấp bậc cũng chưa rõ ràng. Sử gia Phan Huy Chú đã nhận xét trong *Lịch triều hiến chương loại chí* việc sửa đổi này như sau: “Lệ định phong ẩm năm Nhân Dân, niên hiệu Bảo Thái thứ 3 (1722) là chuẩn mực nhất, làm quy chế áp dụng cho các đời về sau: Lệ cũ của triều Lê, mỗi đời thường có thêm bớt, đến năm Bảo Thái mới châm thước định

ra lệ sút phẩm trật và lệ phân biệt chức chính với chức tá nhị, cấp bậc rõ ràng, việc nhiều âm mới khỏi bừa bãi quá lạm, để làm quy chế nhất định cho thời trung hưng về sau” [15; 637-639].

Đối với chúa Nguyễn ở Đàng Trong, con cháu công thần, quan lại có công cũng được hưởng đặc ân, nhưng không có định lệ nhất định và việc ban tước cho bề tôi có công cũng không thấy các chúa Nguyễn quy định rõ, bởi ngay cả đối với các chúa Nguyễn khi đang giữ trọng trách quản lý chính quyền Đàng Trong, cũng chỉ phong tước công, khi mất mới được bề tôi truy tặng tước vương. Trong công trình *Tổ chức bộ máy Nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*, tác giả Nguyễn Minh Tường cho rằng: Việc phong tước của chúa Nguyễn chỉ xảy ra khi các bề tôi của họ có công lao đặc biệt, có lẽ vì bản thân các chúa Nguyễn khi mới lên ngôi cũng chỉ dám tự phong cho mình tước công, chỉ khi nào họ mất thì bề tôi mới truy tặng tước vương [10; 710]. Như chúa Nguyễn Hoàng (1558-1613) tước Đương Quận công, khi mất bề tôi dâng thụy hiệu là Gia Dụ Vương; chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1634) tước Thụy Quận công; khi mất được dâng thụy hiệu là Thụy Dương vương; chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) tước Dũng Quận công; khi mất bề tôi dâng thụy hiệu là Dũng Triết vương...

Dưới thời chúa Nguyễn, chỉ có những bề tôi công lao lớn, thuộc hàng khai quốc công thần mới được phong tước và con cháu của họ cũng được ban ân thưởng. Tuy nhiên, quyền lợi phong thưởng tước và chức vụ của những đối tượng này còn khá hạn chế. Ví dụ, công thần Nguyễn Hữu Tiến có con là Nguyễn Hữu Uy, ban đầu được trao chức Cai cơ sau đó được thăng lên Chương cơ, Trấn thủ dinh Bình Khang. Công thần Nguyễn Cửu Ứng có con là Nguyễn Cửu Thế, nhờ công lao của cha nên Cửu Thế cũng được tập ấm đến tiến thân và sau cũng được thăng chức Chương cơ; công thần Lê Xuân Chính có con trưởng là Lê Xuân Hy được bổ thụ Văn Chức viện, sau được thăng làm Khâm sai Binh vụ doanh Bồ Chính... [20; 110, 133, 194].

Triều Tây Sơn giống các triều đại trước cũng ban phong tước vị cho những người có công. Tuy nhiên, hạn chế về tình hình tư liệu khiến cho việc khảo cứu về quyền lợi mà công thần, quan lại cũng như con cháu họ được hưởng còn khó khăn. Nguồn tư liệu ít ỏi cho biết một số người trong dòng tộc được phong thưởng như vua Quang Trung phong cho Quang Thùy là Khang công; Quang Bàn là Tuyên công. Một số vị quan như Ngô Thì Nhậm được nhận chức Tả thị lang bộ Lại, tước Tĩnh Phái hầu; Phan Huy Ích được nhận chức Tả thị lang bộ Hộ, tước Thụy Nham hầu; Lê Tài là Giác Lý hầu, chức Thị lang bộ Binh, Hồ Công Thuyên là Thuyên Quang hầu, giữ chức Thượng thư bộ Hình... Những dẫn chứng này cho thấy dưới thời vua Quang Trung, việc phong phong tước công và tước hầu cho hoàng tộc và một số người có công cũng đã thực hiện.

2.2. Đối tượng tập ấm dưới triều Nguyễn

Vương triều Nguyễn phong tước bao gồm các bậc sau: *Công, hầu, bá, tử, nam* cho các quan lại có công. Riêng đối với tước Công, thì chia làm 2 hạng: *Quốc công* và *Quận công*. Tuy nhiên, tước *công* (Quốc công, Quận công), tước *hầu*, triều Nguyễn chủ yếu phong cho những “võ thần có huân tích lớn” như: *Khai quốc công thần, trung hưng công thần*.

Trong điều 3, quyền IV phần về Lại luật, bộ *Hoàng Việt luật lệ* đã quy định rõ như sau: *Quan văn không được phong công, hầu*: Phạm quan văn không có công tích lớn đối với quốc gia, mà sớ ty mập mờ tâu xin được phong tước *công, hầu*, thì quan lại đương cai và người được phong tước đều bị tội chém (giam đoid xử). Khi còn sống ngoài là *tướng võ*, trong triều là *tướng văn*, có tài trừ tai họa lớn, tận trung báo đền nợ nước thì được phong tước *hầu*, tên thụy, cũng giống như các khai quốc công thần, nên không áp dụng điều luật trên (Sống được nhận tước lộc gọi là *phong*, chết được khen tặng gọi là *thụy*) [2; 261-262].

Luật pháp triều Nguyễn tuy đã quy định rõ như trên nhưng đối với những quan văn, sinh thời từng kiêm cả văn và võ, giữ trọng trách trừ diệt đại hoạn cho tông xã, dốc lòng tiết tháo trung thành để báo quốc, như thế là người có công huân lớn lao. Cho nên được coi ngang như khai quốc công thần, vì thế cũng được triều Nguyễn phong tước hầu, thụy tước công.

Qua đó, cho thấy tước Công (quốc công, quận công), tước Hầu, triều Nguyễn dành riêng để phong cho võ thần có huân tích lớn như Khai quốc công thần, hoặc trung hưng công thần. Ví dụ như các trường hợp: Lộc Khê hầu Đào Duy Từ, được truy phong làm Hoàng quốc công (1831); Thuận Nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến, được truy phong làm Anh quốc công (1831); Nguyễn Hữu Cảnh được truy phong làm Vĩnh An hầu...[20; 87, 95,110].

Năm Gia Long thứ 9 (1810), cả 4 người trên đây đều được triều Nguyễn xếp vào hàng Khai quốc công thần, tức vào loại công thần bậc nhất của vương triều [21; 774]. Cũng vào năm này, triều Nguyễn lựa chọn 258 người làm trung hưng công thần, đứng đầu trong số đó là 6 người gồm: Thiếu phó quận công Tôn Thất Mân; Thái úy quốc công Võ Tánh; Thái tử Thái sư quận công Ngô Tông Châu; Bình Tây Đại tướng quân quận công Tôn Thất Hội; Tả quân Đô đốc phủ Chương phủ sự quận công Chu Văn Tiếp [21; 775].

Từ lệ phong tước chung đó, triều Nguyễn cũng có định lệ phong tước cho những đối tượng khác nhau dựa lệ tập tước, lệ phong tặng, lệ tích phong.

Đối với lệ tập tước: Những người được hưởng theo lệ này thì ông cha của họ phải là những người có công lao lớn đối với nhà nước thì con cháu sẽ được tập phong. Theo quy định, người con được tập tước của cha, tước được ban phong đó phải thấp hơn một bậc so với tước của người cha. Như người cha tước nguyên phong là tước “vương”, thì người con được ban tước “công”, hay người cha nguyên tước “công” thì người con sẽ được tước “hầu” [22; 97].

Tuy nhiên, có trường hợp những người thực có tài năng hơn người thì được đặt cách tập phong nguyên tước của người cha hoặc có huân nghiệp, mà người cha trước phong tước Hầu, thì người con nên thăng tước Công hay tước Vương [22; 97].

Người được tập tước, đầu tiên phải ban cho người con trưởng vợ đích, nếu con trưởng của người vợ đích ấy có sự cố thì mới lấy cháu trưởng dòng đích, tức “đích tôn” được tập ấm. Nếu con trưởng dòng đích và cháu trưởng dòng đích đều có sự cố (bị chết, bệnh tật tàn phế và phạm một trong những tội như gian dâm, trộm cắp đã từng bị quyết án thì đình chỉ không cho được tập ấm), thì “con, cháu hàng thứ của dòng đích” được tập ấm. Trường hợp nếu không có con, không có cháu hàng thứ của dòng đích; thì mới cho con cháu trưởng của “dòng thứ” được tập ấm. Nếu không có cháu của dòng thứ; thì cho em, cháu là những người được tập ấm nhưng phải kém một bậc đề tỏ ra phân biệt; và những người đáng được thừa tập đều đợi đến 20 trở lên mới được tập tước [23; 118-119].

Tuy việc ban phong các tước vương, công, hầu, bá, tử và nam đã được triều Nguyễn định ra. Nhưng vài thập kỉ đầu triều Nguyễn, triều đình chưa phong cho người nào ngoài hoàng tộc có công lao mà được tước “công” trở lên.

Một số trường hợp “có nhiều công to rõ rệt” cũng chỉ được phong tước “hầu”, đó là vào năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), các công thần đều đi đánh giặc, lập nên quân công, có nhiều công to rõ rệt, cũng chỉ được phong tước hầu: Tiền quân đô thống chương phủ sự Trần Văn Năng chuẩn phong làm Lương Tài hầu; Trung quân thống phủ chương phủ sự Tổng Phúc Lương chuẩn phong làm Vĩnh Thuận hầu; Thụ hậu quân đô thống chương phủ sự Phan Văn Thụ chuẩn phong làm Chương Nghĩa hầu [24; 330-331].

Trường hợp Trương Minh Giảng - Tổng đốc An – Hà (An Giang, Hà Tiên) đã được sử sách nhà Nguyễn nhận xét: *Ngoài phiên giữ được yên ổn, công rất lớn* nhưng chỉ được triều đình phong tước “bá”, hay trường hợp tướng quân Nguyễn Xuân, Phan Hữu Tâm - những người có công đầu trong sự kiện đánh, thu phục lại thành Phiên An những năm 1833 – 1835, họ cũng chỉ được phong tước hầu, tước bá [24; 332].

Đối với hoàng thân, tôn thất triều Nguyễn có công được phong tước như sau: Triều vua Gia Long, các hoàng tử đều được phong tước “công”. Tuy nhiên, đến năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), triều đình chuẩn định các tôn tước và cũng theo quy định năm Minh Mệnh thứ 21 (1840): Những người được phong tước, đều có đất đai riêng [22; 96].

Từ năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), triều đình cũng tiến hành chuẩn định tích phong cho các tước công. Triều Nguyễn cũng quy định rõ, các quan viên sau khi đã được phong rồi, tiếp tục được phong lên thì cũng chuẩn định vẫn dùng địa danh lúc họ mới được phong, không được đưa ra lí do để xin thay đổi và được triều Nguyễn đặt làm lệ vĩnh viễn [25; 338].

Đến triều Tự Đức (1848-1883), vẫn tiếp tục thực hiện những quy định trước đó. Vua Tự Đức ban phong cho những “cổ mệnh lương thần” như: Trương Đăng Quế là đại thần có công kì cựu, cũng chỉ được phong đến tước Tuy Thịnh Quận công; Nguyễn Tri Phương cũng chỉ được tấn phong Tráng Liệt bá [25; 217-218].

Ngoài ra, còn rất nhiều đại thần, vốn xuất thân khoa mục, mặc dù làm quan tới các chức Tam công, Tam thiếu hoặc Lục bộ Thượng thư như: Hà Duy Phiên, Ngụy Khắc Tuân, Phan Thanh Giản, Trương Quốc Dụng... nhưng đều không được phong hay truy phong tước.

2.3. Sự điều chỉnh trong đối tượng tập ấm từ triều Đinh, Tiền Lê đến triều Nguyễn

Nhìn từ diễn trình lịch sử, các triều đại từ Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Lê sơ, Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn ở Đàng Trong, triều Tây Sơn đến vương triều Nguyễn đều xác định khá rõ về các đối tượng được tập ấm. Tuy nhiên, tùy vào hoàn cảnh lịch sử và tình hình xã hội của mỗi triều đại có các chính sách, chế độ thực hiện khác nhau. Như thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, đặc biệt là triều Lý thịnh hành chế độ “nhiệm tử”, bổ nhiệm con cháu những người thân của quan liêu quý tộc làm quan. Triều Trần, triều đình vẫn thực thi chế độ nhiệm tử nhưng được kiểm soát khá chặt chẽ: Ngoài con cháu nhà vua và hoàng tộc thì những người có quan tước, con cháu mới được tập ấm làm quan.

Dưới triều Lê sơ, sau khi vương triều thành lập thì những người thân con cháu của hoàng tộc, những người thân của những bề tôi có công, con cháu các quan văn võ sẽ theo các thứ bậc khác nhau được hưởng tập ấm. Các năm tiếp theo nhà vua ra lệnh cho con đích, cháu đích các quan từ Lục phẩm trở lên có coi việc quân dân và các quan phụ đạo, thủ lĩnh ở các phiên trấn được hưởng tập ấm. Đặc biệt vào năm Kỷ Ty (1449), vua Lê Nhân Tông có quy định rõ ràng hơn và mở rộng hơn cho các đối tượng được hưởng tập ấm.

Đến thời vua Lê Thánh Tông trị vì, chế độ tập ấm được mở rộng thêm ra cho những người “con nuôi” của người thân của các quan. Năm Hồng Đức thứ 2 (1471), nhà nước ban hành *Hiệu định quan chế*, quy định rõ ràng về đối tượng được hưởng tập ấm và được thực hiện thường xuyên.

Triều Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, do hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, có rất nhiều công thần có công trong việc khôi phục vương triều, hộ giá nhà vua và dẹp loạn. Vì vậy, việc ban phong tập ấm được thực hiện cho nhiều đối tượng, nên dẫn đến tình trạng ban ấm nhiều, giả mạo cũng nhiều nên sau đó triều đình Lê - Trịnh có những điều chỉnh định lệ tập ấm cho phù hợp với tình hình xã hội thời bấy giờ.

Còn đối với các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, việc thực hiện phong tước, ban ấm cho con cháu công thần hạn chế hơn nhiều so với các triều đại trước đó, chỉ những công thần có công lao lớn mới được phong tước và con cháu những người thân của họ mới được ban đặc ân.

Vương triều Tây Sơn tồn tại gồm ba chính quyền trong đó chính quyền do vua Quang Trung xây dựng nên, cũng là một chính quyền quân chủ tập quyền. Vì thế, chế độ ưu đãi đối với công thần, quan lại cũng sẽ tiếp tục kế thừa chính sách của các vương triều quân chủ của Việt Nam trước đó. Tuy nhiên do nguồn tư liệu hạn chế, nên việc ban phong tước chức cho con cháu cũng không thấy được nhắc đến nhiều.

Đến triều Nguyễn thành lập, trong thời kì độc lập, các vua triều Nguyễn đều thực hiện chế độ đãi ngộ đối với những người có công.

Trong việc thực thi chế độ tập ấm thời Nguyễn, để tri ân công lao của các công thần triều trước, đặc biệt là triều Lê sơ, Lê trung hưng. Vì vậy, ngay sau khi thành lập vương triều Nguyễn, vào niên hiệu Gia Long năm thứ nhất (1802), triều đình đã ban đặc ân, chia theo cấp bậc (bậc nhất, nhì) cho công thần khai quốc thời Lê sơ, công thần diệt Mạc trung hưng cùng con cháu của họ.

Đối với những công thần có công từ thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đến năm Gia Long thứ 4 (1805), nhà vua đã tiến hành xét công ban thưởng theo cấp bậc bao gồm các bậc: Bậc trên (còn gọi là bậc thượng đẳng), bậc nhất, bậc nhì và bậc ba; các bậc công thần này vừa truy tặng tước, chức vụ, ban tên thụy, cho thờ ở các miếu thờ công thần lại vừa ban cho một người cháu được tập ấm, được cấp tự điền và mộ phu để lo việc thờ tự cho tổ tiên.

Thời vua Gia Long, vị trí, vai trò và ảnh hưởng của các bậc công thần còn rất lớn và chế độ đãi ngộ dành cho đối tượng này cũng khá nhiều. Dưới thời vua Minh Mệnh tuy vẫn thực hiện tập ấm, nhưng nhà vua đề cao thi cử để trọng dụng nhân tài lên hàng đầu nên trong chính sách ban thưởng đã có phần giảm bớt, khắt khe hơn.

Đến thời vua Tự Đức, do nhà nước phải đối mặt với nhiều vấn đề cần giải quyết bấy giờ nên triều đình thực hiện ban cấp theo cho các đối tượng được mở rộng hơn nhiều so với quy định của các triều vua trước đó: Đối với công thần khai quốc phân chia thành thượng cấp, nhất cấp, nhị cấp và tam cấp, mà không có con trai, thì con cháu được mở rộng cho một người ở “bàng chi” hoặc một người “trong họ gần nhất; Đối với công thần khai quốc tuy không xếp vào cấp nào, mà được “tòng tự” (phụng thờ cùng trong lăng miếu) được phong tước Công, tước Hầu, không có con trai, mà chưa được ấm tập, đối tượng được hưởng tập ấm cũng được mở rộng cho một người ở bàng chi; hoặc một người trong họ được ấm thụ một người và có phẩm trật.

Đối với trường hợp khai quốc công thần không xếp vào hạng nào cả, không được tòng tự, mà nguyên hàm là tòng Nhị phẩm trở lên, nếu không có con trai, mà chưa được ấm tập, đối tượng tập ấm được mở rộng cho một người ở bàng chi và ấm thụ có phẩm trật, nếu không có bàng chi thì cho một người trong họ được miễn điều thuế, không có phẩm trật ban theo, quy định rõ tất cả đối tượng được ban thưởng đều chỉ được hưởng một đời mà thôi.

Có thể nói rằng, nếu so sánh với thời Lê trung hưng ở Đàng Ngoài thì đối tượng tập ấm dưới thời Nguyễn đã được quy định khá cụ thể, tương đối rõ ràng và không xảy ra tình trạng lùm ban ấm như trước. Có thể nói dưới triều Nguyễn, lệ phong ấm nói chung và đối tượng phong ấm nói riêng đã được điển lệ hóa với những quy định rõ ràng, chi tiết, cụ thể hơn rất nhiều so với các thời kì trước đó.

Trên cơ sở khảo cứu đối tượng được nhiệm tử/tập ấm các triều đại từ triều Đinh, Tiền Lê đến triều Nguyễn tuy có những điểm tích cực nhưng cũng tồn tại không ít những hạn chế.

Về mặt tích cực

Các triều đại đều ghi nhận và tưởng thưởng công lao cho các công thần, quan lại quý tộc đã có công với đất nước. Việc cho con cháu công thần được tập ấm nhằm duy trì truyền thống trung quân, ái quốc, tạo động lực để công thần, các quan văn võ phụng sự triều đình. Bên cạnh đó, việc thực hiện chế độ tập ấm giúp nhiều con cháu được học tại các cơ sở giáo dục do triều đình lập ra, góp phần tạo ra đội ngũ quan chức biết chữ, biết đạo lý từ nhỏ (dù không phải ai cũng có tài thực sự). Khi khoa cử chưa đủ cung cấp nguồn nhân lực hoặc bị gián đoạn (do thiên tai, nạn đói, nội chiến, chiến tranh...), thì tập ấm là phương tiện bổ sung nguồn nhân lực kịp thời cho nhà nước.

Như vậy, trên thực tế chế độ tập ấm đã mang lại đặc quyền, đặc lợi cho nhiều đối tượng và sự tồn tại của chế độ này cũng có ý nghĩa hợp lý và cần thiết đối với xã hội, chính trị của từng triều đại.

Một số hạn chế

Chế độ nhiệm tử/tập ấm đã tạo ra tầng lớp quan liêu có quyền lớn, nhưng rất nhiều người về tư cách và năng lực đều hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của xã hội. Do vậy, lệ nhiệm tử/tập ấm chưa đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong xã hội. Trường hợp *khai man tập ấm* để được nhận chức quan, dưới triều vua Lê Thánh Tông, năm Đinh Hợi, niên hiệu Quang Thuận thứ 8 (1467), Vũ lâm vệ chỉ huy sứ Lê Tông Vĩnh khai man tập ấm để được bổ làm quan. [14; 418]. Hoặc triều Lê – Trịnh diễn ra *tình trạng ban ấm nhiều* buộc triều đình Lê – Trịnh phải điều chỉnh. Với triều Nguyễn, đặc biệt thời vua Gia Long trị vì, nhà vua đã dành sự quan tâm đặc biệt cho đội ngũ công thần (khai quốc, trung hưng triều Nguyễn), các quan văn võ, vì vậy đã dẫn

đến hệ quả tất yếu là nạn chuyên quyền, tranh giành quyền lực giữa các phe phái. Đây cũng là một trong những hạn chế chung của các triều đại.

3. Kết luận

Việc xác định đối tượng tập ấm là thể lệ có tính kế thừa, tiếp nối và ngày càng hoàn thiện giữa các triều đại từ Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Lê sơ, Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn ở Đàng Trong, Tây Sơn đến Nguyễn.

Việc thực hiện chế độ nhiệm tử thời Lý; chế độ tập ấm dành cho hoàng tộc và quan lại cao cấp từ Tam phẩm trở lên thời Trần; chế độ tập ấm dành cho hoàng tộc, quan lại từ thất phẩm trở lên thời Lê sơ thể hiện một bước tiến khá rõ nét. Từ thời Lê Thánh Tông, định lệ về đối tượng tập ấm ngày càng hoàn thiện. Dưới thời Lê Trung hưng, chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài đã có một số lần điều chỉnh theo đề xuất của Tham tụng Hồ Sĩ Dương và Nguyễn Mậu Tài vào năm 1677, Tham tụng Nguyễn Công Hãng vào năm 1722. Nhờ vậy, đối tượng tập ấm được quy định rõ ràng hơn, giảm bớt tình trạng lạm bổ. Chúa Nguyễn ở Đàng Trong việc thực hiện chế độ tập ấm hạn chế hơn so với các triều đại trước. Riêng triều Tây Sơn do hạn chế về nguồn tư liệu và thời gian tồn tại của các chính quyền chưa đủ dài nên việc đề cập chế độ tập ấm còn hạn chế.

Đến thời Nguyễn, dưới các triều vua Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức, triều đình đã ban hành quy định về đối tượng tập ấm bao gồm nhiều thành phần khác nhau trong xã hội như: con cháu những công thần khai quốc thời Lê sơ, công thần diệt Mạc trung hưng; con cháu công thần có công phò giúp các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, con cháu hoàng tộc, con cháu các quan văn võ (đương nhiệm, hưu trí hay đã mất), con cháu công thần trung hưng triều Nguyễn (công thần Vọng Các, công thần tiết nghĩa...). Triều đình dựa vào chức vụ, cấp bậc của các công thần, quan lại văn võ để sẽ xét công, ban thưởng, phân chia cấp như sau: Bậc trên, bậc nhất, bậc nhì, bậc ba hoặc phân cấp Thượng đẳng, nhất cấp, nhị cấp, tam cấp... con cháu những người thân của những đối tượng có công do được triều đình ban ấm thụ về quyền lợi tinh thần như phong tước vị, chức quan, hoặc được bổ ấm sinh, sở anh danh và binh giáo đường...; về quyền lợi vật chất: có người được ban cấp tự điền (ruộng thờ) và mộ phu để lo việc thờ tự các công thần; có người được cấp lương bổng, tiền hưu trí, tiền ân tuất, các ấm sinh học ở trường Quốc Tử Giám thì được cấp lương phục vụ cho việc học tập.

Đặc biệt dưới triều vua Tự Đức, triều đình đã mở rộng đối tượng được hưởng tập ấm và định lệ riêng cho từng đối tượng con cháu tôn thất, quan lại văn võ gắn với hạn tuổi ấm thụ. Điều này đảm bảo cho những người có công và con cháu họ có được hưởng cả quyền lợi tinh thần (phong tước vị, chức quan...) và quyền lợi về vật chất (lương bổng, tiền hưu trí, tiền ân tuất, ruộng đất...). Cũng trên cơ sở đó, đối tượng tập ấm theo định lệ dưới triều Nguyễn được đánh giá là hoàn thiện, đầy đủ nhất trong các triều đại quân chủ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] 辭源 (改編本), (1986). 襲. 卷申. 商務印書館, 香港. *Từ nguyên* (bản cải biên), 1986. chữ Tập, quyền Thân. Nxb Thương Vụ Ấn Thư Quán, Hương Cảng.
- [2] NN Nhuận (chủ biên), (2011). *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, tập III. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2004). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên* (bản dịch), tập 1. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] ĐĐAnh, (2013). *Hán Việt từ điển giản yếu*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [5] H Phê, (2000). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng.
- [6] LTT Hòa, (1998). *Việc đào tạo và sử dụng quan lại của triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1884*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

- [7] NTP Chi, (2006). “Phương thức tuyển dụng quan lại thời Trần”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 7(363), 19-26.
- [8] TT Vinh, 2008. “Phương thức tuyển dụng quan lại cho bộ máy chính quyền nhà nước thời Lý (1010 - 1225)”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (9), 40-49; (10), 30-39.
- [9] TT Tâm, (2000). *Quan chức nhà Nguyễn*. NXB Thuận Hóa, Huế.
- [10] NM Tường, (2015). *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] Emmanuel P, (2006). *Quan và lại ở miền Bắc Việt Nam - Một bộ máy hành chính trước thử thách (1820-1918)*. NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [12] LQ Chấn, (2013). “Chính sách ưu đãi của triều Nguyễn đối với võ quan và binh lính (giai đoạn 1802 – 1884)”. *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 263.
- [13] Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch), tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [14] *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch), tập 2, 1993. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [15] PH Chú, (2008). *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch), tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [16] PV Liệu (dịch và chú giải), (1997). *Lê triều quan chế*. Viện sử học & NXB Văn hóa Thông tin.
- [17] NC Lăng, (1991). *Lịch triều tạp kỷ*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [18] *Đại Việt sử ký tục biên (1676 - 1789)*, 1991. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [19] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2008). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch), tập 2. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [20] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2011). *Đại Nam liệt truyện*, tập 1 (tiền biên). Viện sử học & NXB Thuận Hóa, Huế.
- [21] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2005). *Đại Nam thực lục* (bản dịch), tập 1. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [22] Nội các triều Nguyễn, (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (bản dịch) tập 1. NXB Thuận Hóa, Huế.
- [23] Nội các triều Nguyễn, (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (bản dịch) tập 4. NXB Thuận Hóa, Huế.
- [24] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (bản dịch), tập 2. NXB Thuận Hóa, Huế.
- [25] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (bản dịch), tập 3. NXB Thuận Hóa, Huế.